

Thanh Ba, ngày 27 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Vi Công S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vi Công S và chị Nguyễn Thị O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vi Công S và chị Nguyễn Thị O thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Hai bên thỏa thuận, kể từ ngày 20/10/2022, anh Vi Công S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Minh C, sinh ngày 07/02/2018; chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Minh H, sinh ngày 12/10/2019 cho đến khi các con chung

thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Anh S và chị O đều có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. *Về công sức đóng góp cho gia đình:* Hai bên tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Anh Vi Công S có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp cho gia đình cho chị Nguyễn Thị O số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán vào ngày 30/10/2023

*Kể từ khi hết thời hạn thỏa thuận trả nợ trên, nếu anh S không trả được số tiền trên, chị O có đơn đề nghị thi hành án thì anh S phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2.4. *Về án phí:* Anh Vi Công S tự nguyện nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003516 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Vi Công S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đ;

**THẨM PHÁN**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hà Thanh Loan**